

Số: 807/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 27 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục, số lượng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu:
Mua trang thiết bị y tế số 3 năm 2020 của Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Giang tại Tờ trình số 17/TTr-BVSN ngày 16/4/2020; của Sở Tài chính tại Báo cáo số 129/BC-STC ngày 21/4/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục, số lượng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua trang thiết bị y tế số 3 năm 2020 của Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Giang, với những nội dung chủ yếu sau:

I- Danh mục, số lượng: *(Chi tiết danh mục, số lượng theo Phụ lục kèm theo)*

II- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Y tế, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Giang và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

Bản điện tử:

- VP UBND tỉnh: CVP, TKCT, TH, KT.



BIỂU KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu: Mua trang thiết bị y tế số 3 năm 2020 của Bệnh viện Sản-Nhi Bắc Giang
(Kèm theo Quyết định số ~~907~~ /QĐ-UBND ngày ~~27~~/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức LCNT	Phương thức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện HĐ
1	Mua trang thiết bị y tế số 3 năm 2020	500.000.000	Nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Chào hàng cạnh tranh qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý II năm 2020	Hợp đồng trọn gói	90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
Tổng cộng: 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn).								

Ghi chú:

Tài sản mới 100%; Giá bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, lắp đặt, bàn giao, hướng dẫn sử dụng, bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.

Các gói thầu tư vấn đấu thầu (nếu có) đơn vị căn cứ định mức tại các văn bản đã ban hành và theo chi phí thực tế công việc để ký hợp đồng thực hiện theo quy định.

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA MUA SẴM

(Kèm theo Quyết định số 807/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)



STT	Tên và thông số kỹ thuật hàng hóa	ĐVT	Số lượng
1	<p>Hệ thống chuyên đổi số hóa X-quang</p> <p>1. Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thiết bị mới 100% + Sản xuất năm 2019 trở đi <p>2. Yêu cầu về cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tấm cảm biến bản phẳng: 01 tấm - Trạm điều khiển chụp XQ số hóa gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Máy tính để bàn: 01 chiếc + Màn hình LCD ≥ 23 inch: 01 chiếc + Phần mềm điều khiển chụp X-quang số hóa (Cài đặt sử dụng vĩnh viễn theo hệ thống): 01 bộ - Hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + Tiếng Việt: 01 Bộ <p>3. Yêu cầu về đặc tính và thông số kỹ thuật:</p> <p>3.1. Tấm cảm biến bản phẳng</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tính năng: <ul style="list-style-type: none"> - Tấm cảm biến 17" x 17" cố định có dây AED (Phát hiện tia X tự động) tin cậy và ổn định - Thời gian khởi động nhanh: 15 giây - Chuyển đổi tín hiệu tương tự sang tín hiệu số: 16 bit + Thông số kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước điểm ảnh : $\leq 140 \mu\text{m}$ - Chất nhấp nháy phát sáng: $\text{Gd}_2\text{O}_2\text{S:Tb}$ - Độ phân giải không gian: 3,5lp/mm - Độ phân giải Pixel: $\geq 3.072 \times 3.072$ pixel - Vùng nhận tia X: 17 x 17 inch (43 x 43 cm) - Thang đo độ xám: 16bit - Dải điện áp máy X – quang: 40 – 150kVp - Kết nối với máy X – Quang: Chế độ AED (Phát hiện tia X tự động). - Giao tiếp truyền dữ liệu: Gigabit Ethernet (1000BASE –T) - Thời gian chuyển đổi tín hiệu: 2 giây - Kích thước tấm: $\geq 460 \times 460 \times 15,5$ mm - Khối lượng tấm: ≤ 5kg - Nhiệt độ môi trường làm việc: 10-35°C - Độ ẩm tương đối môi trường làm việc: 30 – 85% (không ngưng tụ) - Đạt chứng chỉ: ISO 13485 hoặc tương đương; FDA hoặc tương đương; - Bảo hành tối thiểu 36 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu <p>3.2. Trạm điều khiển chụp XQ số hóa:</p> <p>3.2.1. Máy tính để bàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Bộ vi xử lý: <ul style="list-style-type: none"> - Tên bộ vi xử lý: Core i5-9400 (2,90 GHz/9M) hoặc tương đương - Số lõi: ≥ 6 	Hệ thống	01

<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ xung nhịp: $\geq 2,90$ GHz - Bộ nhớ đệm: ≥ 9 MB - Chipset: B365 hoặc tương đương ❖ Bộ nhớ RAM: <ul style="list-style-type: none"> - Dung lượng: ≥ 4 GB - Công nghệ: DDR4 2666 MHz ❖ Ổ đĩa cứng (HDD): Dung lượng ≥ 1 TB SATA ❖ Ổ đĩa quang (ODD): DVD-RW ❖ Khe cắm mở rộng: <ul style="list-style-type: none"> - PCI Express x16: ≥ 1 - PCI Express x1: ≥ 1 ❖ Cổng giao tiếp: <ul style="list-style-type: none"> - Mặt trước: <ul style="list-style-type: none"> 2 USB 3.1 1 Universal Audio Jack - Mặt sau: <ul style="list-style-type: none"> 4 USB 2.0 1 Gigabit Ethernet 1 HDMI 1 VGA 1 3-stack audio jacks supporting 5.1 surround sound ❖ Kết nối mạng: <ul style="list-style-type: none"> - Wireless: 802.11bng - Network (RJ-45): 10/100/1000 Gigabit Ethernet ❖ Hệ điều hành: hệ điều hành có bản quyền vĩnh viễn và tương thích với bộ phần mềm điều khiển chụp X-quang số hóa. ❖ Thông số vật lý và phụ kiện <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: $\leq 380\text{mm} \times 160\text{mm} \times 300\text{mm}$ - Trọng lượng: ≤ 6 kg - Kiểu dáng: Mini Tower - Bàn phím: 01 chiếc - Chuột quang: 01 chiếc - Bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu. <p>3.2.2. Màn hình LCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước màn hình: ≥ 23 inch - Độ phân giải: Full HD (1920 x 1080) - Tỷ lệ: 16:09 - Tấm nền màn hình: IPS hoặc tương đương - Độ sáng: ≥ 250 cd/m² - Màu sắc hiển thị: 16,7 triệu màu - Độ tương phản: 1000: 01:00 - Tần số quét: ≥ 60Hz - Cổng kết nối: <ul style="list-style-type: none"> DisplayPort version 1.2: ≥ 1 HDMI port version 1.4: ≥ 1 VGA port: ≥ 1 USB 3.0 upstream port (bottom): ≥ 1 USB 3.0 downstream ports (side): ≥ 2 USB 2.0 downstream ports (bottom): ≥ 2 - Thời gian đáp ứng: ≤ 5ms 	
--	--



- Góc nhìn: $\geq 178^{\circ}/178^{\circ}$
 - Kích thước: $\geq 311,7 \text{ mm} \times 520,0 \text{ mm} \times 41,3 \text{ mm}$ (Không chân đế)
 $\geq 481,1 \text{ mm} \times 520,0 \text{ mm} \times 166,0 \text{ mm}$ (gồm chân đế)
 - Cân nặng: $\leq 7,00 \text{ kg}$
 - Bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu
- 3.2.3. Bộ phần mềm điều khiển chụp X-quang số hóa gồm:**
- ❖ **Đăng ký bệnh nhân và nhận chỉ định chụp X-quang**
 - Thông tin về bệnh nhân: Tên, mã số, tuổi, giới tính
 - Thông tin về thời gian chụp X-quang: Ngày, tháng, năm, giờ, phút giây
 - Thông tin về nơi chụp X-quang
 - Thông tin về kỹ thuật viên chụp X-quang
 - ❖ **Thu thập tín hiệu:**
 - Thu thập tín hiệu từ 1 tấm cảm biến phẳng (Single system) để hoạt động trên 1 hệ thống XQ số hóa, ứng dụng với > 4 hãng sản xuất khác nhau
 - Thu thập tín hiệu từ 2 tấm cảm biến phẳng của cùng một hãng sản xuất (Dual system) để hoạt động trên 1 hệ thống XQ số hóa, ứng dụng với > 4 hãng sản xuất khác nhau
 - Thu thập tín hiệu từ 2 tấm cảm biến phẳng của 2 hãng sản xuất khác nhau (Cross Dual system) để hoạt động trên 1 hệ thống XQ số hóa
 - Thời gian thu thập đủ tín hiệu thô: Khoảng 5 giây sau phát tia (tùy theo từng hãng sản xuất tấm cảm biến phẳng)
 - Thời gian hiển thị đủ hình ảnh: Khoảng 5 giây tiếp theo
 - ❖ **Xử lý hình ảnh:**
 - Chọn vùng và cắt hình ảnh
 - Chèn ký hiệu lên hình ảnh
 - Xoay hình ảnh 90 độ (trái/phải)
 - Phóng to, thu nhỏ hình ảnh
 - Điều chỉnh độ sáng, tối của hình ảnh
 - Điều chỉnh độ tương phản của hình ảnh
 - Điều chỉnh cỡ hình ảnh để in trên phim khổ: 8 x 10, 10 x 12, 14 x 17 (inch)
 - Điều chỉnh cỡ hình ảnh để in trên giấy A4
 - ❖ **Giao tiếp DICOM:**
 - DICOM Storage (lưu trữ ảnh DICOM)
 - DICOM Worklist (nhận danh sách bệnh nhân đã được chỉ định chụp)
 - DICOM Print (in ảnh DICOM)
 - Non-Dicom Print (in ảnh thông thường)
 - ❖ **Giao tiếp với tủ phát cao áp cao tần:**
 - Lựa chọn tiêu điểm của bóng X-quang
 - Truyền các tham số: kV, mA, mAs từ chương trình chụp theo giải phẫu
 - Điều khiển tín hiệu sẵn sàng phát tia (Ready)
 - Điều khiển phát tia (Exposure)
 - Tự động ngắt tín hiệu Ready trong vòng 10 giây nếu không có lệnh Exposure
- Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Anh và Tiếng Việt**

